

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2018/DS-ST
Ngày 30/11/2018
V/v “Tranh chấp kiện đòi
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Nam

Ông Trịnh Hoàng Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2018/TLST- DS, ngày 17 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp “Kiện đòi tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108a/2018/QĐXX - ST, ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm: 1974; Địa chỉ: ấp Kinh B, xã Thạnh Đ, huyện T, tỉnh KG (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng Q (tên khác Lê Phúc Á), sinh năm: 1963; Địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn G, huyện R, tỉnh KG (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị Mỹ D, sinh năm: 1974; Địa chỉ: ấp Kinh B, xã Thạnh Đ, huyện T, tỉnh KG (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Văn T trình bày: Giữa ông và ông Q do chỗ quen biết làm ăn chung nên có thỏa thuận cùng nhau hùn mua trầm cừ về bán lại. Ông Q có ghe còn ông bỏ vốn, ông giao cho ông Q làm 03 lần tiền; lần thứ nhất tại nhà máy Hải N do ông không có tiền nên có mượn của vợ chồng ông Đ và bà D là 30.000.000 đồng bạn làm ăn chung, ông Đ và bà D giao cho ông Q số tiền này; lần 02 cách lần đầu khoảng 04 ngày ông và ông Q cùng nhau chạy ghe xuống tỉnh C mua trầm, khi đi ông mang theo 40.000.000 đồng ông trả tiền trầm được 26.100.000 đồng, sau khi trả xong còn lại 13.900.000 đồng ông giao cho ông Q. Như vậy, tổng cộng ông đã bỏ ra vốn là 70.000.000 đồng. Khi hai bên mua được

tràm chờ đi bán thì không thỏa thuận được giá với người mua thì ông Q yêu cầu ông để lại cho ông Q giá 20.000 đồng/cây, ông đồng ý chờ về cho ông Q dựa lại khi về tới nhà ông Q nói chưa có tiền trả hẹn thời gian bán được sẽ kêu ông qua lấy tiền. Nhưng tới ngày hẹn tới đến yêu cầu trả nhiều lần ông không trả mà viết giấy nợ ngày 20/11/2016 (dl) và hẹn đến ngày 25/12/2017 (dl) sẽ trả đủ số tiền trên. Đến hẹn ông tiếp tục lại nhà ông Q đòi nợ thì ông Q trả cho được 1.500.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k quy ra thành tiền là 3.400.000 đồng và hẹn với tới tháng 02/2017 (dl) sẽ trả đủ số tiền còn lại. Đến ngày 02/02/2017 (dl) ông lại nhà thì ông Q chỉ trả được 20.000.000 đồng rồi không trả nữa nên ông mới làm đơn ra khu phố 8 yêu cầu giải quyết số tiền 50.000.000 đồng còn lại. Tại khu phố 8 ông Q chỉ thừa nhận thiếu ông 48.000.000 đồng, ông cũng đồng ý, sau đó ông Q trả được thêm 17.500.000 đồng từ đó đến nay không trả nữa. Nay ông yêu cầu ông Q trả cho ông số tiền còn lại là 30.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Q trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của ông T về quá trình hai bên hùn làm ăn với nhau hình thức mua tràm cừ về bán lại là đúng; Biên nhận ngày 25/12/2016 ông thừa nhận do ông viết và ký tên, sau khi ông T kiện ra Tòa ông về tính lãi sổ sách và phát hiện đã tính nhầm, ông chỉ nhận của ông T 49.610.000 đồng. Ông T cho rằng ông thỏa thuận mua tràm của ông T về bán lại là không đúng vì hai bên hùn với nhau nếu không bán được thì chờ về vừa của ông bán được chia tiền lời. Do không bán được, ông T đòi quá nên ông viết giấy nhận nợ cho ông T là ông có mua cừ của ông T còn nợ 70.500.000 đồng. Khoản tiền ngày 11/9/2016 (dl) ông T cho rằng ông nhận của ông T từ tiền ông T mượn của vợ chồng ông Đ tại nhà máy Hải N 30.000.000 đồng là không đúng, ông chỉ nhận của ông T 10.000.000 đồng (mệnh giá 500.000 đồng, có 20 tờ).

Ông đã trả cho ông T được 42.400.000 đồng nay ông chỉ còn nợ ông T số tiền 7.210.000 đồng, nếu đồng ý ông trả mỗi tháng 1.000.000 đồng nếu không ông T cứ qua ông lấy tràm về.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau: Hai bên đã thống nhất với nhau số tràm mua 2.400 cây (1.740 cây x 15.000đ/cây và 660 cây x 16.000 đồng/cây) + chi phí dầu là: 39.600.000 đồng. Ông Q thừa nhận viết biên nhận cho ông T số tiền thiếu mua tràm 70.500.000 đồng. Số tiền ông Q trả cho ông T vào tháng 2/2017 là 20.000.000 đồng. Sau đó, ông Q cam kết tại phụ phố 8 là số tiền còn thiếu ông T là 48.000.000 đồng, ông Q trả cho ông T thêm 17.500.000 đồng. Tại phiên tòa ông Q thừa nhận trước đây ông có nhận số nợ đó nhưng sau khi ông tính lại là tính nhầm yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho ông. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay việc ông Q trình bày là không có căn cứ bởi lẽ ông là người ghi chép sổ sách và viết biên nhận cho ông T và cam kết thanh toán số tiền còn thiếu cho ông T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ vào khoản 4 Điều 11,

khoản 1 Điều 275, Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu của ông T và buộc ông Q trả cho ông T số tiền còn thiếu là 30.500.000 đồng. Về án phí buộc ông Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T đối với ông Lê Hoàng Q về việc ông T yêu cầu ông Q trả số tiền 30.500.000 đồng nhưng ông Q cho rằng chỉ còn nợ ông T số tiền 7.210.000 đồng.

{2.1} Qua xem xét các chứng cứ mà ông T cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa hôm nay giữa ông T và Q thừa nhận với nhau về số tiền ông T cầm tiền đi mua trà và tiền lãi hai bên thỏa thuận cụ thể mua 2.400 cây trà (1.740 cây x 15.000đ/cây và 660 cây x 16.000 đ/cây) + chi phí mua dầu, tổng cộng là 39.600.000 đồng; tiền lãi 6.000.000 đồng; tiền công 400.000 đồng. Trước khi ông Q viết biên nhận nợ ngày 25/12/2016 ông Q đã đưa cho ông T 4.900.000 đồng là tiền lãi từ bán trà (trong đó 1.500.000 đồng tiền mặt, 01 chỉ vàng 24K quy thành tiền là 3.400.000 đồng). Hai bên thống nhất với nhau về số trà lấy về không bán được và đem đến vựa của ông Q nhưng do ông Q không trả được số tiền vốn ông T đã bỏ ra cho nên ông Q viết biên nhận nợ 70.500.000 đồng vào ngày 25/12/2016 và hẹn đến tháng 2/2017 trả đủ số tiền trên cho ông T. Sau đó, ông Q có trả cho ông T 20.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng ông Q tiếp tục hứa nhưng không trả, bà D vợ ông T có làm tờ tường trình yêu cầu khu phố 8, thị trấn G giải quyết, tại đây ông T chỉ thừa nhận còn nợ của ông T 48.000.000 đồng, ông T cũng thống nhất số nợ này và ông Q tiếp tục cam kết đề ngày 19/7/2017 hứa trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, trong thời gian hứa trả thì ông Q trả cho ông T được 06 lần với số tiền 17.500.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông Q thừa nhận trước đây ông có viết biên nhận nợ với ông T là 70.500.000 đồng nhưng sau khi tính toán lại thì nhầm lẫn số tiền lần đầu ông nhận của ông T chỉ có 10.000.000 đồng chứ không phải 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng lời trình bày trên của ông Q là không có cơ sở bởi lẽ trong quá trình hai bên hùn hạp mua trà, ông Q là người ghi chép sổ sách, ông tự thỏa thuận và viết biên nhận nợ với ông T và cam kết trả số tiền còn thiếu cho ông T, mặt khác tại bản tự khai đề ngày 8/10/2018 ông Q thừa nhận đã trả cho ông T 42.400.000 đồng và còn thiếu của ông T 25.600.000 đồng nhưng nay ông chỉ thừa nhận còn nợ 7.210.000 đồng, như vậy lời trình bày của ông Q không có sự thống nhất với nhau, ông nại ra lý do để nhầm lẫn tránh nghĩa vụ trả nợ, cho nên không có cơ sở để xem xét việc tính toán nhầm lẫn như ông Q trình bày ở trên.

{2.2} Từ những phân tích trên cho thấy việc ông T khởi kiện yêu cầu ông Q trả số tiền còn thiếu 30.500.000 đồng là hoàn toàn căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 275, Điều 280 của Bộ luật dân sự. Ông T không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không giải quyết.

Kể từ ngày ông Dương Văn T có đơn yêu cầu Thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của ông Dương Văn T được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Dương Văn T là 890.000 đồng theo biên lai thu tiền số 7197 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông Lê Hoàng Q phải chịu án phí giá ngạch 5% là: 30.500.000 đồng x 5% = 1.525.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 275, Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T đối với ông Lê Hoàng Q.

Xử buộc ông Lê Hoàng Q phải trả cho ông Dương Văn T số tiền là 30.500.000 (ba mươi triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày ông Dương Văn T có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Yêu cầu của ông Dương Văn T được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Dương Văn T là 890.000 (tám trăm chín mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 7197 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông Lê Hoàng Q phải chịu án phí giá ngạch 5% là: 1.525.000 (một triệu năm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30/11/2018).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành dân sự.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã kí)

***Nơi nhân:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đ- ơng sự;
- L- u;

Nguyễn Thị Chuyên